

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23-6-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Bạch Nhạn

Bà Trần Thị Thuý Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thắng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Thuý Trang – Kiểm Sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023.

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thanh Q**, sinh năm 19XX (có mặt).

Địa chỉ: Số 1, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Thiều Văn T**, sinh năm 19XX (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 2, đường B1, phường B2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thanh Q trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh Q và ông Thiều Văn T có tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 197, ngày 31/12/2014. Sau khi kết hôn thì bà Q và

ông T chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cãi nhau đã nhiều lần hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Bà Q và ông T không còn sống chung như vợ chồng khoảng 08 tháng nay. Nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Trần Thanh Q và ông Thiệu Văn T có 01 người con chung là cháu Thiệu Tuấn A, giới tính (nam), sinh ngày 12/4/20XX hiện đang sống với bà Q ở số 1, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ly hôn, bà Trần Thanh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thiệu Tuấn A (giới tính nam, sinh ngày 12/4/2015) đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Thiệu Văn T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 19 tháng 5 năm 2023, bị đơn ông Thiệu Văn T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Thiệu Văn T đồng ý ly hôn với bà Trần Thanh Q.

- Về con chung: Ông Thiệu Văn T thống nhất với ý kiến của bà Trần Thanh Q giao con chung là cháu Thiệu Tuấn A (giới tính nam, sinh ngày 12/4/2015) cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Thiệu Tuấn A ngày 08/5/2023 cháu Thiệu Tuấn A trình bày:**

Cháu là con ruột của ông Thiệu Văn T và bà Trần Thanh Q. Hiện tại cháu đang học lớp 2 trường Tiểu học A, thành phố S và cháu đang sống cùng với mẹ cháu là bà Q ở địa chỉ Số 1, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Cháu biết được việc cha mẹ cháu ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng với mẹ cháu là bà Trần Thanh Q. Cha cháu là ông Thiệu Văn T cấp dưỡng cho cháu bao nhiêu thì cháu nhận bấy nhiêu, cháu không còn trình bày gì thêm.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:**

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét

xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thanh Q được ly hôn với ông Thiều Văn T; Về con chung giao cháu Thiều Tuấn A (giới tính nam, sinh ngày 12/4/2015) cho bà Trần Thanh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và ông Thiều Văn T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Tuấn A nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung bà Trần Thanh Q và ông Thiều Văn T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Trần Thanh Q khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Thiều Văn T có địa chỉ số 2, đường B1, phường B2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Thiều Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thanh Q và ông Thiều Văn T chung sống với nhau và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số 197, đăng ký ngày 31 tháng 12 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Tại thời điểm kết hôn thì bà Trần Thanh Q và ông Thiều Văn T đủ điều kiện kết hôn và thực hiện việc đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân giữa ông, bà được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, bà Q và ông T chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Bà Q cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên đi nhậu có khi đi qua đêm mới về, bà Q và ông T đã nhiều lần hàn gắn và gia đình bà Q cũng hàn gắn cho ông bà trở về đoàn tụ nhưng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng không có tiếng nói chung và dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông bà đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2022 và ông T đã dọn ra ngoài ở từ khoảng tháng 8 năm 2022 cho đến nay, cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Tại đơn trình bày ý kiến của ông T đề ngày 19/5/2023 ông T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Q. Xét thấy, ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng

làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Q là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thanh Q và ông Thiệu Văn T được ly hôn.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Q và ông T có một người con chung là cháu Thiệu Tuấn A, giới tính (nam), sinh ngày 12/4/2015. Sau khi ly hôn bà Q có nguyện vọng được nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ trước đến nay bà Q là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, cuộc sống của cháu đang ổn định và hiện nay cháu phát triển bình thường. Đồng thời, tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Thiệu Tuấn A ngày 19/5/2023, cháu Thiệu Tuấn A có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Trần Thanh Q và tại đơn trình bày ý kiến của ông T đề ngày 19/5/2023 ông T cũng đồng ý giao cháu Tuấn A cho bà Q chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi cháu Tuấn A. Do đó, nhằm để ổn định cuộc sống, việc học tập cũng như sự phát triển tâm lý của cháu Tuấn A nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao cho bà Q nuôi dưỡng cháu Tuấn A cho đến tuổi trưởng thành. Nên yêu cầu của bà Q được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Q và ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Trần Thanh Q và ông Thiệu Văn T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Trần Thanh Q và ông Thiệu Văn T trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Nguyên đơn bà Trần Thanh Q phải chịu số tiền là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thanh Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thanh Q và ông Thiều Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Thiều Tuấn A, giới tính (nam), sinh ngày 12/4/20XX cho bà Trần Thanh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Trần Thanh Q và ông Thiều Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Thiều Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thanh Q và ông Thiều Văn T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thanh Q và ông Thiều Văn T trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Bà Trần Thanh Q phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 00007694, ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Trần Thanh Q đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Nguyên đơn bà Trần Thanh Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Thiều Văn T không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND Phường C, TPS;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thanh Loan